TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày 07 tháng 07 năm 2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Ông **Danh On**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông **Danh Đạt** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 07 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần B**

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà T, số 210 đường K, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T - Giám đốc Ngân hàng TMCP B - chi nhánh H.

Những người được ủy quyền lại tham gia tố tụng:

- Ông ***Trương Sơn E***, sinh năm 1974 - Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Khu vực 1, phường 3, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Ông ***Dương Chí K***, sinh năm 1984 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Khu vực B, phường B1, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

- Ông ***Nguyễn Trung H***, sinh năm 1981 – Chức vụ: Tổ trưởng tổ khách hàng - phòng giao dịch L. Địa chỉ: Khu vực 2, phường L, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. *(Có mặt)*.

Đồng bị đơn: Anh **Hồ Văn U**, sinh năm 1985 *(Vắng mặt không có lý do)*

Chị **Dương Thị M**, sinh năm 1987 *(Vắng mặt không có lý do)*

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày: Vào ngày 18/05/2022, anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202201047 với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh H – Phòng giao dịch L để vay số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay là để nuôi tôm. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 19/05/2022. Thời hạn cho vay là 11 tháng (ngày trả nợ cuối cùng là 17/4/2023). Hình thức thanh toán: gốc trả cuối kỳ, lãi trả cố định 03 tháng một lần vào ngày 17. Khoản vay của vợ chồng anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M là khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình quan hệ tín dụng, kể từ ngày 17/08/2022, anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M đã không thanh toán nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP B.

Tính đến ngày 07/07/2023, số tiền mà anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202201047 ký ngày 18/05/2022 là 118.548.630 đồng *(Trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.389.041 đồng, lãi quá hạn là 5.159.589 đồng)*.

Nay Ngân hàng TMCP B yêu cầu vợ chồng anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tính đến ngày 07/07/2023 là: 118.548.630 đồng *(Trong đó nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.389.041 đồng, lãi quá hạn là 5.159.589 đồng)* và tiền lãi phát sinh sau ngày 07/07/2023 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Đối với đồng bị đơn anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có đến địa chỉ cư trú của anh U, chị M tại ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu để tống đạt các văn bản tố tụng cũng như làm việc với vợ chồng anh U, chị M tuy nhiên vợ chồng anh U, chị M không có mặt tại địa phương. Qua xác minh chính quyền địa phương thì được biết vợ chồng anh U, chị M hiện tại không có mặt tại địa phương nhưng vợ chồng anh U, chị M vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến của vợ chồng anh U, chị M đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định để giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng đồng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Buộc vợ chồng anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/07/2023) là 118.548.630 đồng *(Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.389.041 đồng, lãi quá hạn là 5.159.589 đồng)* và tiền lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng sau ngày 07/07/2023 mà hai bên đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Ngoài ra vợ chồng anh U, chị M còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu đồng bị đơn anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M phải trả nợ vay cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng đồng thời đồng bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Đồng bị đơn anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đồng bị đơn căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP B yêu cầu anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M trả nợ vay cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 18/05/2022, anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M có ký kết hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202201047 với Ngân hàng TMCP B – chi nhánh H – Phòng giao dịch L để vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Mục đích vay là để nuôi tôm. Lãi suất thỏa thuận khi vay là 14%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả 10%/năm trên số tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Ngày giải ngân tiền vay là ngày 19/05/2022. Thời hạn cho vay là 11 tháng (ngày trả nợ cuối cùng là 17/4/2023). Hình thức thanh toán: gốc trả cuối kỳ, lãi trả cố định 03 tháng một lần vào ngày 17. Khoản vay của vợ chồng anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M là khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình quan hệ tín dụng, anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M đã không thanh toán nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP B.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/07/2023), tổng số tiền gốc và lãi mà

anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M nợ Ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HDTD803202201047 ký ngày 18/05/2022 là 118.548.630 đồng *(Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.389.041 đồng, lãi quá hạn là 5.159.589 đồng)*. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B buộc anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/07/2023) là 118.548.630 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M phải nộp án phí số tiền là 5.927.000 đồng *(118.548.630 đồng x 5% = 5.927.431 đồng, lấy tròn 5.927.000 đồng).*

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M.

Buộc anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/07/2023) là 118.548.630 đồng (Trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, lãi trong hạn là 13.389.041 đồng, lãi quá hạn là 5.159.589 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Buộc anh Hồ Văn U, chị Dương Thị M phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.927.000 đồng.

Ngân hàng TMCP B đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 2.704.000 đồng theo biên lai thu số 0006672 ngày 11/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh